



Số : . 36...../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC riêng năm 2017

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

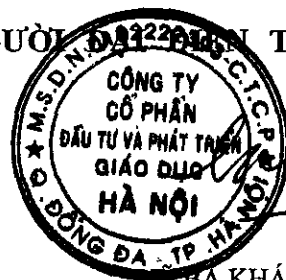
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng năm 2017 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 09/02/2018).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC

M/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



VŨ BÁ KHÁNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 42
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20 tháng 09 năm 2010 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Thái	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên	
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Bà Phí Ngọc Uyên	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Phạm Văn Cẩn	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Số: 090218.001/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 06/02/2018 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hàng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0762-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		299.379.239.108	273.902.249.957
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.528.643.901	46.212.417.163
111	1. Tiền		8.528.643.901	16.212.417.163
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17.509.750	18.992.150
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(101.266.650)	(99.784.250)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		87.864.086.223	73.470.701.948
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	66.256.346.174	47.274.936.907
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	24.419.272.712	29.869.746.653
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.537.106.608	336.312.125
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.348.639.271)	(4.010.293.737)
140	IV. Hàng tồn kho	9	161.431.056.210	143.386.860.350
141	1. Hàng tồn kho		165.922.893.965	157.004.331.520
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.491.837.755)	(13.617.471.170)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.537.943.024	10.813.278.346
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	10.815.923.095	10.107.581.065
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	722.019.929	705.697.281

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		169.277.848.541	182.807.993.765
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		625.800.000	225.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	625.800.000	225.800.000
220	II. Tài sản cố định		6.403.631.541	7.002.845.583
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.403.631.541	7.002.845.583
222	- Nguyên giá		11.451.314.134	10.717.490.857
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.047.682.593)	(3.714.645.274)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	12	6.083.658.818	5.895.711.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.083.658.818	5.895.711.818
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	153.727.340.000	165.320.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		127.682.000.000	127.682.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	23.581.750.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.592.660.000)	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.437.418.182	4.363.636.364
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.437.418.182	4.363.636.364
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		468.657.087.649	456.710.243.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

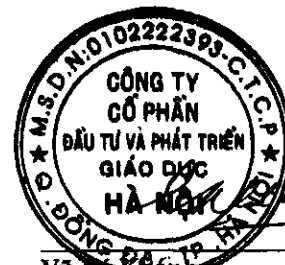
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		220.769.578.040	221.010.236.754
310	I. Nợ ngắn hạn		220.769.578.040	221.010.236.754
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	78.389.255.693	61.555.120.917
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	281.634.141	339.965.231
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.201.707.585	205.166.628
314	4. Phải trả người lao động		10.013.199.350	10.717.931.612
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	38.489.671.335	23.515.311.859
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	205.009.377	156.404.596
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	85.828.216.851	119.095.029.766
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.360.883.708	5.425.306.145
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		247.887.509.609	235.700.006.968
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	247.887.509.609	235.700.006.968
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		51.835.845.062	41.745.936.703
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		15.369.519.543	13.593.784.094
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.736.489.056	28.414.630.223
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	LNST chưa phân phối năm nay		24.860.296.293	24.538.437.460
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		468.657.087.649	456.710.243.722



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng



Vũ Đ. 
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		44.392.512.370	44.257.723.365
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.740.821.537	7.387.646.516
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.301.111.678	1.064.678.043
03	- Các khoản dự phòng		(587.196.618)	851.945.455
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.778.821.823)	(1.862.672.046)
06	- Chi phí lãi vay		7.805.728.300	7.333.695.064
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.133.333.907	51.645.369.881
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.629.451.441)	(9.126.146.265)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.918.562.445)	(12.435.335.456)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		32.125.606.233	12.161.154.464
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.217.876.152	6.851.430.927
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.840.757.895)	(7.320.774.744)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.061.728.260)	(9.459.797.681)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		110.000.000	44.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.501.628.785)	(4.528.332.647)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		38.634.687.466	27.831.568.479
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.889.844.636)	(5.671.755.373)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		304.545.454	481.818.181
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(24.644.250.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.533.651.369	1.380.853.865
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.948.352.187	(28.453.333.327)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		332.409.527.768	291.368.356.468
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(365.676.340.683)	(260.484.448.490)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(51.266.812.915)	12.883.907.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20 tháng 09 năm 2010 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND ; Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồ dùng phục vụ học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

1105
NG T
HIỆM H
KIẾN
AAS
V KIẾP

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ... Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ

việc góp vốn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	369.510.561	408.254.730
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.159.133.340	15.804.162.433
Các khoản tương đương tiền ^[1]	30.000.000.000	30.000.000.000
	<u>38.528.643.901</u>	<u>46.212.417.163</u>

^[1] Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng giá trị 30.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với lãi suất bình quân 4,9%/năm.

TC
G1
EMH
EM
AS
M

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	118.776.400	7.071.750	(101.266.650)	118.776.400	7.382.150	(99.784.250)		
Cổ phiếu chưa niêm yết ^[1]								
- Công ty Cổ phần Sóng Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000	-	(73.250.000)	74.600.000		(71.150.000)		
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000	-	(13.312.000)	22.400.000		(14.240.000)		
Cổ phiếu đã niêm yết ^[2]								
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	7.043.750	(14.456.250)	21.500.000	7.343.750	(14.156.250)		
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	28.000	(248.400)	276.400	38.400	(238.000)		
	118.776.400	7.071.750	(101.266.650)	118.776.400	7.382.150	(99.784.250)		

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^[3]	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-

^[1] Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

^[2] Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 29/12/2017 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

^[3] Trong năm 2017, Công ty mua 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Cụ thể: mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 10 năm, lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	127.682.000.000	-	127.682.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	2.682.000.000	-	2.682.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
Các khoản đầu tư khác	17.581.750.000	(6.592.660.000)	23.581.750.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam	6.000.000.000	-	12.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục ^[1]	10.369.250.000	(6.592.660.000)	10.369.250.000	-
	159.320.000.000	(6.592.660.000)	165.320.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^[1] Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) được Công ty trích lập dự phòng căn cứ theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu Công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM vào ngày 29/12/2017 là: 3.460 đồng/cổ phiếu.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,00%	89,00%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 35.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BDS; Đầu tư tài chính

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	-	1.031.745.475
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	4.491.531.329	5.167.999.415
- Công ty CP sách và thiết bị trường học Sơn La	3.346.221.064	9.523.992.817
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	28.432.271.569	57.727.199
- Các khoản phải thu khách hàng khác	29.986.322.212	31.493.472.001
	66.256.346.174	47.274.936.907
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	32.978.359.336	6.575.518.948

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dịch vụ sách An Nam	4.303.512.130	-	3.000.000.000	-
- Nhà Máy in Bộ tổng tham mưu	7.871.064.457	-	9.210.002.705	-
- Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ Hà Nội	2.552.285.821	-	1.067.796.562	-
- Trả trước cho người bán khác	9.692.410.304	-	16.591.947.386	-
	24.419.272.712	-	29.869.746.653	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	452.583.500	-	270.720.000	-
Phải thu khác	1.084.523.108	-	65.592.125	-
- Tiền lãi vay	-	-	59.375.000	-
- Các khoản phải thu khác	1.084.523.108	-	6.217.125	-
	1.537.106.608	-	336.312.125	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	225.800.000	-	225.800.000	-
Phải thu khác	400.000.000	-	-	-
	625.800.000	-	225.800.000	-

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	4.318.387.453	2.207.395.721	3.550.780.643	2.853.370.229
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	387.103.340	387.103.340	1.360.153.340	680.076.670
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	4.491.531.329	3.880.911.277	5.167.999.415	4.661.130.047
Các đối tượng khác	5.727.594.493	4.100.567.006	5.326.557.841	3.200.620.556
	14.924.616.615	10.575.977.344	15.405.491.239	11.395.197.502

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc vẫn đang tìm mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ (100%) các khoản nợ phải thu khó đòi này.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.234.355.379	-	43.083.473.609	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.850.898.448	-	14.532.545.040	-
Thành phẩm ^[1]	26.481.391.788	(4.491.837.755)	31.798.972.523	(13.617.471.170)
Hàng hoá	64.519.340.793	-	53.359.069.131	-
Hàng gửi đi bán	7.836.907.557	-	14.230.271.217	-
	165.922.893.965	(4.491.837.755)	157.004.331.520	(13.617.471.170)

^[1] Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm, hàng hóa được trích lập do giá trị các loại Sách chậm luân chuyển, do thay đổi nội dung chương trình giảng dạy, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ. Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do đã thanh lý một số loại sách đã được trích lập dự phòng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	10.284.397.759	9.388.671.974
- Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	216.900.001	216.900.000
- Chi phí bản thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	314.625.335	502.009.091
	10.815.923.095	10.107.581.065
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê kho, thuê cửa hàng ^[3]	2.437.418.182	4.363.636.364
	2.437.418.182	4.363.636.364

^[1] Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối năm).

^[2] Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

^[3] Đây là chi phí thuê kho Bộ tổng Tham mưu và thuê cửa hàng tại khu đô thị Times City, Công ty đã thanh toán trước cho thời hạn thuê nhiều năm.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.207.330.580	510.160.277	10.717.490.857
- Mua trong năm	1.666.557.636	35.340.000	1.701.897.636
- Thanh lý, nhượng bán	(862.627.228)	(105.447.131)	(968.074.359)
Số dư cuối năm	11.011.260.988	440.053.146	11.451.314.134
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.329.454.704	385.190.570	3.714.645.274
- Khấu hao trong năm	2.229.791.829	71.319.849	2.301.111.678
- Thanh lý, nhượng bán	(862.627.228)	(105.447.131)	(968.074.359)
Số dư cuối năm	4.696.619.305	351.063.288	5.047.682.593
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.877.875.876	124.969.707	7.002.845.583
Tại ngày cuối năm	6.314.641.683	88.989.858	6.403.631.541

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.139.022.943 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	5.783.658.818	5.595.711.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	6.083.658.818	5.895.711.818

^[1] Đây là khoản Công ty góp vốn theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa các bên Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất:

- Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án;
- Phần vốn tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án.

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án theo các công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (theo Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐGV ngày 1/7/2014) là 1.271.061.818 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2016 là 5.595.711.818 VND.

Trong năm 2017, Công ty đã tiếp tục ứng số tiền thực hiện dự án để giải phóng mặt bằng và các chi phí khác liên quan đến dự án là 187.947.000 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2017 là 5.783.658.818 VND.

^[2] Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa". Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hải Phòng	-	73.904.100
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Ninh Bình	59.702.803	57.994.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	57.727.199
- Ban quản lý đề án ngoại ngữ quốc gia 2020	178.817.702	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	43.113.636	150.339.932
	281.634.141	339.965.231

007
HÀ C
HÀ
01/12/17

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	43.357.032.851	43.357.032.851	31.955.468.727	31.955.468.727
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	-	3.946.059.529	3.946.059.529
- Phải trả cho các đối tượng khác	35.032.222.842	35.032.222.842	25.653.592.661	25.653.592.661
	78.389.255.693	78.389.255.693	61.555.120.917	61.555.120.917
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)				
	44.856.800.571	44.856.800.571	40.972.434.941	40.972.434.941

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	205.166.628	1.301.321.121	1.077.118.055	-	429.369.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.713.582	-	8.877.803.381	9.061.728.260	189.638.461	-
Thuế thu nhập cá nhân	695.140.699	-	5.888.589.123	4.948.649.001	527.538.468	772.337.891
Các loại thuế khác	4.843.000	-	3.000.000	3.000.000	4.843.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	12.624.248	12.624.248	-	-
	705.697.281	205.166.628	16.083.337.873	15.103.119.564	722.019.929	1.201.707.585

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	77.199.711	112.229.306
Trích trước phí quản lý xuất bản	25.595.412.048	19.171.854.223
Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, công in	9.991.803.406	1.832.982.990
Trích trước chi phí chiết khấu phát hành	1.401.536.110	789.994.000
Trích trước chi phí vận chuyển	289.497.925	120.012.240
Chi phí phải trả khác	1.134.222.135	1.488.239.100
	<u>38.489.671.335</u>	<u>23.515.311.859</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	203.155.892	146.576.212
Bảo hiểm xã hội	1.476.996	-
Bảo hiểm y tế	260.646	-
Bảo hiểm thất nghiệp	115.843	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	9.828.384
	<u>205.009.377</u>	<u>156.404.596</u>

18. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	83.616.313.131	83.616.313.131	287.687.729.624	296.743.967.332	74.560.075.423	74.560.075.423
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	29.760.716.635	29.760.716.635	10.604.623.776	40.365.340.411	-	-
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	5.718.000.000	5.718.000.000	34.117.174.368	28.567.032.940	11.268.141.428	11.268.141.428
	119.095.029.766	119.095.029.766	332.409.527.768	365.676.340.683	85.828.216.851	85.828.216.851

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	5,50%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	74.560.075.423	83.616.313.131
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng thời điểm	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	11.268.141.428	5.718.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	VND	5,50%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	29.760.716.635
				85.828.216.851	119.095.029.766

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	34.253.245.110	11.841.038.561	25.863.393.290	223.903.332.909
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	35.054.910.658	35.054.910.658
Trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	3.987.200.527	-	(3.987.200.527)	-
Phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	3.505.491.066	1.752.745.533	(5.258.236.599)	-
Trích lập quỹ khác theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(5.258.236.599)	(5.258.236.599)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	41.745.936.703	13.593.784.094	28.414.630.223	235.700.006.968
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	41.745.936.703	13.593.784.094	28.414.630.223	235.700.006.968
Lãi trong năm	-	-	-	-	35.514.708.989	35.514.708.989
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	6.538.437.460	-	(6.538.437.460)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	3.551.470.899	1.775.735.449	(5.327.206.348)	-
Tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	(3.551.470.899)	(3.551.470.899)
Tạm trích lập quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	(1.775.735.449)	(1.775.735.449)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	51.835.845.062	15.369.519.543	28.736.489.056	247.887.509.609

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh năm 2016 Báo cáo tài chính riêng sau thuế		35.054.910.658
Đã tạm phân phối trong năm 2016		10.516.473.198
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.505.491.066
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.505.491.066
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.752.745.533
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.752.745.533
Phân phối phần lợi nhuận năm 2016 còn lại trong năm 2017		24.538.437.460
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển		6.538.437.460
- Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.200 VND)	12%/Cổ phần	18.000.000.000

Căn cứ theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2017 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh năm 2017 Báo cáo tài chính riêng sau thuế		35.514.708.989
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.551.470.899
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.551.470.899
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.775.735.449
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.775.735.449
Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối		24.860.296.293

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	11.665.890.000	7,78%	12.083.890.000	8,06%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	-	0,00%
Các cổ đông khác	70.272.110.000	46,85%	77.670.110.000	51,78%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.000.000.000	18.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	51.835.845.062	41.745.936.703
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	15.369.519.543	13.593.784.094
	67.205.364.605	55.339.720.797

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
- <i>Từ 1 năm trở xuống</i>	7.879.650.909	7.887.158.182
- <i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	20.009.730.909	14.417.200.000
- <i>Trên 5 năm</i>	4.962.632.727	6.107.215.909

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
Hoàng Minh Cường	-	160.949.342
Kiều Văn Thanh	-	8.881.800
Nguyễn Vũ Dũng	-	76.483.000
Trần Thị Tuyết Nhung	-	88.241.690
Trần Văn Hùng	-	167.162.827
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Vạn Xuân	1.011.954.836	-
Tạ Hồng Minh	382.068.000	-
Các đối tượng khác	211.926.027	829.750.437

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	271.854.418.690	260.554.389.054
Doanh thu bán lịch Block	-	2.773.578.220
Doanh thu bán sách tham khảo	232.975.255.757	188.423.861.923
Doanh thu bán vật tư	30.995.372.401	41.579.772.540
Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	46.882.203.659	28.968.588.318
	582.707.250.507	522.300.190.055
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	167.323.549.893	123.961.091.414

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	9.738.727.120	7.925.270.460
Hàng bán bị trả lại	3.921.327.196	6.471.576.573
	13.660.054.316	14.396.847.033

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	164.267.014.971	175.100.497.647
Giá vốn bán lịch Block	-	2.479.328.756
Giá vốn bán sách tham khảo	197.426.947.973	134.935.783.541
Giá vốn bán vật tư	32.048.408.687	42.239.033.152
Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	27.259.320.353	10.744.172.215
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.125.633.415)	2.696.729.502
	411.876.058.569	368.195.544.813

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	402.023.869	390.478.865
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.072.252.500	990.375.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	58.985.650	8.083.736
	1.533.262.019	1.388.937.601

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.805.728.300	7.333.695.064
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	41.040.101	119.179.400
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	6.594.142.400	(3.002.350)
Chi phí tài chính khác	5.328.695	1.428.449
	14.446.239.496	7.451.300.563

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.374.422	24.549.227
Chi phí nhân công	18.108.954.283	18.085.885.254
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	92.623.545	277.292.409
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.138.038	5.644.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.316.314.996	21.739.045.922
Chi phí khác bằng tiền	19.872.736.325	14.361.826.933
	61.830.141.609	54.494.243.925

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.903.435.834	2.759.091.291
Chi phí nhân công	10.710.713.110	13.284.655.120
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	395.045.897	542.168.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.931.973.640	1.059.033.863
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	1.944.294.397	(1.841.781.697)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.007.835.827	9.245.662.879
Chi phí khác bằng tiền	9.878.108.655	9.776.682.848
	37.774.407.360	34.828.512.485

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	304.545.454	481.818.181
Các khoản khác	80.803.820	233.249.822
	385.349.274	715.068.003

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	12.624.248	140.988.505
Các khoản khác	633.823.832	639.034.970
	646.448.080	780.023.475

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	44.392.512.370	44.257.723.365
Các khoản điều chỉnh tăng	1.068.757.037	439.367.695
- Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ VND	337.956.087	151.712.522
- Các khoản tiền phạt	12.624.248	140.988.505
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	160.000.002	146.666.668
- Chi phí không hợp lệ	558.176.700	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.072.252.500)	(990.375.000)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(1.072.252.500)	(990.375.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	44.389.016.907	43.706.716.060
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	8.877.803.381	8.741.343.212
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	461.469.495
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(5.713.582)	251.271.392
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.061.728.260)	(9.459.797.681)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(189.638.461)	(5.713.582)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.929.910.801	152.979.825.462
Chi phí nhân công	28.819.667.393	31.370.540.374
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	487.669.442	819.460.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.301.111.678	1.064.678.043
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	1.944.294.397	(1.841.781.697)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.204.095.297	119.065.289.686
Chi phí khác bằng tiền	29.750.844.980	24.138.509.781
	359.440.593.988	327.599.522.239

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.528.643.901	-	46.212.417.163	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.419.252.782	(4.348.639.271)	47.837.049.032	(4.010.293.737)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(101.266.650)	118.776.400	(99.784.250)
Đầu tư dài hạn	18.581.750.000	(6.592.660.000)	23.581.750.000	-
	125.648.423.083	(11.042.565.921)	117.749.992.595	(4.110.077.987)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	85.828.216.851	119.095.029.766
Phải trả người bán, phải trả khác	78.594.265.070	61.711.525.513
Chi phí phải trả	38.489.671.335	23.515.311.859
	202.912.153.256	204.321.867.138

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	17.509.750	-	-	17.509.750
Đầu tư dài hạn	-	10.989.090.000	-	10.989.090.000
Cộng	17.509.750	10.989.090.000	-	11.006.599.750
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	18.992.150	-	-	18.992.150
Đầu tư dài hạn	-	23.581.750.000	-	23.581.750.000
Cộng	18.992.150	23.581.750.000	-	23.600.742.150

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.528.643.901	-	-	38.528.643.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.444.813.511	625.800.000	-	64.070.613.511
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	101.973.457.412	625.800.000	1.000.000.000	103.599.257.412
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.212.417.163	-	-	46.212.417.163
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.600.955.295	225.800.000	-	43.826.755.295
Cộng	89.813.372.458	225.800.000	-	90.039.172.458

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	85.828.216.851	-	-	85.828.216.851
Phải trả người bán, phải trả khác	78.594.265.070	-	-	78.594.265.070
Chi phí phải trả	38.489.671.335	-	-	38.489.671.335
	202.912.153.256	-	-	202.912.153.256
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	119.095.029.766	-	-	119.095.029.766
Phải trả người bán, phải trả khác	61.711.525.513	-	-	61.711.525.513
Chi phí phải trả	23.515.311.859	-	-	23.515.311.859
	204.321.867.138	-	-	204.321.867.138

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		167.323.232.899	123.961.091.414
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	114.072.097	529.940.666
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	20.530.786	37.902.273
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	2.015.139.436	40.248.772
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	29.763.941.891	25.522.987.532
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	13.307.501.305	2.226.590
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	8.580.043.545	15.440.189.514
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	8.521.138.931	8.004.434.036
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	9.688.309.895	9.483.046.939
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	7.035.600	19.193.067
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	2.254.200	2.049.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.630.580.949	1.966.508.167
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	63.085.081.941	39.761.328.158
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	3.750.695.844	3.077.595.477
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.708.398.858	5.522.080.995
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.780.000	5.900.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	57.571.429	-
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	7.810.621.046	10.998.564.846
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	732.008.151	698.560.005
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.791.266.580	2.848.335.104
Công ty Cổ phần Sách Bình Dương	Cùng Tập đoàn	38.961.544	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Điện Biên	Cùng Tập đoàn	10.694.298.871	-

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
		VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, dịch vụ khác		8.320.223.537	3.636.926.369
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	5.297.450.792	2.702.380.218
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.351.200.001	557.744.999
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	399.960.000	376.801.152
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	347.918.200	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục 1	Cùng Tập đoàn	923.694.544	-
Mua vật tư, phí tổ chức, quản lý xuất bản		82.966.702.849	65.318.893.509
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	1.137.718.313	-
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	2.328.790.514	3.903.744.572
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	46.066.641.154	35.339.801.141
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	125.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	77.436.738	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	86.689.524	23.205.410
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	330.520.519	459.269.823
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	185.037.527	178.307.290
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	476.628.632	533.801.076
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	285.874.128	118.307.460
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	316.545.434	3.379.332.802
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	9.798.692.575	1.584.739.985
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	3.171.250.000	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	104.904.230	129.597.081
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.371.432.155	3.305.640.717
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.250.732.494	10.638.146.152
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	295.783.390	125.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam	Cùng Tập đoàn	2.330.400.000	-
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.351.625.522	-
Lãi vay phải trả trong năm		2.074.335.253	1.145.253.123
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	2.074.335.253	1.145.253.123

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		32.778.359.336	6.575.518.948
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	472.274.367	1.029.524.168
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	-	178.905.284
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	598.682.500	74.061.376
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	1.988.471.549	1.463.226.844
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	1.020.830.039
Công ty Cổ phần MI thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	186.610.798	76.519.344
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	387.103.340	1.360.153.340
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	341.069.438	762.692.087
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	334.781.263	451.537.227
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Bình Dương	Cùng Tập đoàn	37.094.512	100.342.040
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	28.432.271.569	57.727.199
Người mua ứng trước ngắn hạn		-	59.194.879
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	1.467.680
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam		-	57.727.199
Phải trả cho người bán ngắn hạn		44.856.800.571	40.972.434.941
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	43.357.032.851	31.955.468.727
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	744.118.299	3.132.443.639
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	3.946.059.529
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	271.253.252
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	30.215.740
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	-	281.768.000
Công ty Cổ phần Sách Đại học và Dạy nghề		26.628.632	75.401.076
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc		-	10.240.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	505.181.708	1.269.584.978
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	223.839.081	-

